

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2022/DS-ST**

Ngày: 19/9/2022.

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST- DS, ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX- DS, ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Danh Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Hòa Thiện, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn Tu, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Cây Bàng, xã Vĩnh Hòa, U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Cây Bàng, xã Vĩnh Hòa, U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Danh Thanh T trình bày:

Trong năm 2021 ông Danh Thanh T (gọi tắt là ông T) nhiều lần bán lúa giống cho vợ chồng ông Võ Văn Tu, bà Lâm Thị N (gọi tắt là ông Tu, bà N). Ông Tu, bà N còn nợ ông T số tiền 911.760.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 27/4/2021: Giống lúa OM 18, số lượng 9.960kg x 14.500đ/kg = 144.420.000 đồng; giống lúa OM 5451, số lượng 5000kg x 14.500đ/kg = 72.500.000 đồng. Tổng cộng 216.920.000 đồng.

+ Ngày 12/5/2021: Giống lúa DT 8 (đài thơm 8), số lượng 5000kg x 14.500đ/kg = 72.500.000 đồng.

+ Ngày 17/6/2021: Giống lúa OM 5451, số lượng 9.920kg x 14.500đ/kg = 143.840.000 đồng; giống lúa DT 8, số lượng 5.000kg x 14.500đ/kg = 72.500.000 đồng. Tổng cộng 216.340.000 đồng.

+ Ngày 11/8/2021: Giống lúa DT 8, số lượng 5.000kg x 15.000đ/kg = 75.000.000 đồng; giống lúa OM 18, số lượng 15.000kg x 15.000đ/kg = 225.000.000 đồng. Tổng cộng 300.000.000 đồng.

+ Ngày 13/10/2021: Giống lúa OM 18, số lượng 15.000kg x 14.000đ/kg = 210.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 05 lần ông Tu, bà N mua lúa giống của ông T, tổng số tiền 1.015.760.000 đồng.

Ông Tu, bà N có trả cho ông Tùng được số tiền 104.000.000 đồng. Ông Tu, bà N còn nợ ông Tùng tiền mua lúa giống 1.015.760.000đ – 104.000.000đ = 911.760.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng ông Tu, bà N trả số tiền 911.760.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Ngày 10/02/2022 ông T khởi kiện bổ sung: Do ông T nhầm trong ngày 12/5/2021 ông có bán cho ông Tu, bà N ngoài lúa giống Đài thơm 8, ông T còn bán cho ông Tu, bà N giống lúa OM 5451, số lượng 5000kg x 14.500đ/kg = 72.500.000 đồng. Tổng cộng 05 lần ông Tu mua lúa giống của ông T với số tiền 72.500.000đ + 911.760.000đ = 984.260.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng ông Tu, bà N trả số tiền 984.260.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tuy nhiên, ông Tu chỉ thừa nhận với ông T ngày 12/5/2021 ông Tu có mua lúa giống DT 8, số tiền 72.500.000 đồng, còn lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000đ ông Tu không có nhận, nên ông T giảm cho ông Tu số tiền 72.500.000 đồng. Vì vậy, biên nhận ngày 12/5/2021 ông T thống nhất số nợ là

72.500.000 đồng. Ngày 31/8/2022 ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung ông Tu không thừa nhận có mua lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng ông Tu, bà N trả tiền mua lúa giống còn thiếu là 911.760.000 đồng một lần dứt nợ, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tại biên bản hòa giải các ngày 22/8/2022, ngày 31/8/2022 bị đơn ông Võ Văn Tu trình bày: Ông Tu thống nhất với lời trình bày của ông T là đúng. Tuy nhiên, có 01 biên nhận ngày 12/5/2021 ông Tu chỉ có nhận lúa giống DT 8, số tiền 72.500.000 đồng, còn lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng ông Tu không có nhận. Ông Tu có nợ tiền ông T là 1.015.760.000đ, nhưng ông có trả cho ông T được số tiền 104.000.000 đồng, hiện ông còn nợ ông T là 911.760.000 đồng. Ông Tu đồng ý trả cho ông T số tiền 911.760.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông xin trả cho ông T với hình thức, như sau: Ngày 10/9/2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 10/12/2022 trả 200.000.000 đồng; số nợ còn lại là 511.760.000 đồng ông Tu cam kết 04 tháng sẽ trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ lần đầu ngày 10/4/2023.

Ngày 07/4/2022 vợ chồng ông Tu, bà N được Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 30/2022/QĐST – HNGĐ về việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N, ông Tu. Mặc dù ông Tu, bà N ly hôn nhưng hiện ông, bà vẫn còn ở chung nhà, tại địa chỉ ấp Cây Bàng, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ông Tu làm ăn mua lúa giống của ông T thì bà Nien có biết nhưng số lượng, giá thì bà N không biết nên số nợ trên không liên quan đến bà N. Ông Tu thừa nhận ngày 17/6/2021 khi ông T giao lúa giống đến nhà ông không có mặt thì ông có kêu bà N ký tên (*chữ ký tên bà N trên họ tên Võ Văn T trong biên nhận ngày 17/6/2021 là của bà N*) để nhận lúa giống, với số tiền 216.340.000 đồng.

Tại thời điểm ông Tu gom tiền lúa giống từ người dân trên địa bàn huyện U Minh Thượng xong thì ông không trả tiền cho ông T, mà ông lấy tiền này mua lúa của nông dân, nhằm bán lúa lại cho các chủ ghe mua lúa để kiếm lời, nhưng do gạo xuống giá, giá lúa giảm theo, nên tiền lời lãi một phần do làm ăn thua lỗ, một phần đem về sinh hoạt nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình. Do vậy, ông Tu không có khả năng trả nợ cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N trình bày: Bà N, ông Tu được Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ban

hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 30/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07/4/2022 về việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N, ông Tu. Việc ông Tu làm ăn, mua lúa giống của ông T là không liên quan đến bà N, nhưng bà thừa nhận mỗi lần ông T chở ghe giao lúa giống cho ông Tu thì bà có chứng kiến; có một lần ngày 17/6/2022 ông T giao lúa giống xuống, ông Tu không có mặt thì bà được ông Tu điện thoại kêu bà N ký nhận lúa giống với số tiền 216.340.000 đồng.

Ông T khởi kiện yêu cầu ông Tu, bà N trả số tiền 911.760.000 đồng bà không đồng ý trả cho ông T, vì bà không có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, phần nợ này do ông Tu chịu trách nhiệm trả cho ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T có ý kiến, ngày 10/9/2022 ông Tu, bà N có trả cho ông T được số tiền 184.000.000 đồng. Hiện ông Tu, bà N còn nợ ông T $911.760.000đ - 184.000.000đ = 727.760.000$ đồng. Ông T yêu cầu ông Tu, bà N trả tiền mua lúa giống còn thiếu là 727.760.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Bị đơn ông Tu đồng ý trả cho ông T số tiền 727.760.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông xin trả cho ông T với hình thức trả nợ thành nhiều lần: Ngày 15/01/2023 trả 200.000.000 đồng; số nợ còn lại là 527.760.000 đồng ông Tu cam kết 04 tháng trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ lần đầu ngày 15/5/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có ý kiến, việc làm ăn của ông Tu với ông T là không liên quan đến bà và hiện vợ chồng bà đã ly hôn, bà không có nghĩa vụ trả nợ cho ông T nên bà không đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn; còn số nợ 727.760.000 đồng do ông Tu tự chịu trách nhiệm trả cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX đình chỉ về việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung ông T không thừa nhận ngày 12/5/2021 mua lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng.

Buộc ông Tu, bà N phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông T là 727.760.000 đồng. Mặc dù, hiện nay ông T, bà N ly hôn nhưng đây là khoản nợ

ông T, bà N trong thời kỳ hôn nhân.

Về án phí: Ông T, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX, nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Danh Thanh T với bị đơn ông Võ Văn Tu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Cụ thể, nguyên đơn ông T yêu cầu ông Tu, bà N trả tiền mua lúa giống còn thiếu là 727.760.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

HĐXX ghi nhận ý kiến của ông T về việc rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đối với ông Tu, bà N không thừa nhận nợ ngày 12/5/2021 mua lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng, để đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với ông Tu, bà N HĐXX nhận thấy: Tại các biên bản hòa giải ngày 22/8/2022, ngày 31/8/2022 của bị đơn ông Tu thừa nhận thời gian từ ngày 27/4/2021 đến ngày 11/8/2021 ông nhiều lần mua lúa giống của ông T, cụ thể: Ngày 27/4/2021 giống lúa OM 18, số tiền 144.420.000 đồng; giống lúa OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng; ngày 12/5/2021 giống lúa DT 8, số tiền 72.500.000 đồng; ngày 17/6/2021 giống lúa OM 5451, số tiền 143.840.000 đồng; giống lúa DT 8, số tiền 72.500.000 đồng; ngày 11/8/2021 giống lúa DT 8, số tiền 75.000.000 đồng; giống lúa OM 18, số tiền 225.000.000 đồng; ngày 13/10/2021 giống lúa OM 18, số tiền 210.000.000 đồng. Ông Tu mua lúa giống của ông T, tổng số tiền 1.015.760.000 đồng nhưng ông có trả cho T được số tiền 288.000.000 đồng, hiện ông Tu còn nợ ông T số tiền 727.760.000 đồng.

Lý do ông Tu chưa thanh toán nợ cho ông T, là do ông dùng số tiền này đi mua lúa của nông dân trên địa bàn huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nhằm bán lúa lại cho các chủ ghe mua lúa để kiếm lời, nhưng do gạo xuống giá, làm giá lúa giảm theo; tiền lời lãi một phần do làm ăn thua lỗ, một phần đem về sinh hoạt nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình, nên ông Tu không có khả năng trả nợ cho ông T. Do hoàn cảnh ông Tu khó khăn về kinh tế, mình ông xin trả nợ cho ông T với hình thức: Ngày 15/01/2023 trả 200.000.000 đồng; số tiền còn lại

là 527.760.000 đồng ông Tu cam kết 04 tháng sẽ trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ lần đầu ngày 15/5/2023 nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Xét về tổng số nợ 727.760.000 các bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn ông T yêu cầu ông Tu trả số tiền mua lúa giống còn thiếu là 727.760.000 đồng là có cơ sở, HĐXX chấp nhận. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ.

Xét việc bị đơn ông Tu xin trả cho nguyên đơn số tiền 727.760.000 đồng, với hình thức ngày 15/01/2023 trả 200.000.000 đồng; số nợ còn lại là 527.760.000 đồng ông Tu cam kết 04 tháng sẽ trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*. Do đó, việc ông Tu xin trả nợ cho nguyên đơn với hình thức nêu trên là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về phần lãi suất: Do phía nguyên đơn không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

[3]. Về trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng:

Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 30/2022/QĐST-NHGD ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thì vợ chồng ông Tu, bà N đã ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Tu, bà N đều thừa nhận: Ông Tu có mua lúa giống của ông T nhiều lần trong thời gian từ ngày 27/4/2021 đến ngày 11/8/2021, mỗi lần ông T giao lúa giống cho ông Tu thì bà N đều chứng kiến và có một lần bà N trực tiếp ký tên nhận lúa giống từ ông T biên nhận ngày 17/6/2022. Ông Tu mất khả năng thanh toán nợ cho ông T, một phần tiền do ông dùng vào việc kinh doanh mua bán lúa thua lỗ, còn một phần đem về sinh hoạt nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình. Mặc dù ông Tu, bà N cho rằng việc mua lúa giống của ông T là không liên quan đến bà N, nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân trước khi ông Tu, bà N ly hôn nên có đủ căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản*

1 Điều 30... và Điều 37 của Luật này”. Tại khoản 1 Điều 30 “*Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” và khoản 2 Điều 37 “*Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Do đó, có đủ cơ sở để buộc ông Tu, bà N cùng liên đới trả cho ông T tổng số tiền 727.760.000 đồng.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Tu, bà Lâm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 20.000.000đ + (327.760.000 x 4%) = 33.110.000 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của ông Danh Thanh T về việc yêu cầu ông Võ Văn Tu, bà Lâm Thị N trả tiền mua lúa giống OM 5451, số tiền 72.500.000 đồng (theo biên nhận nợ ngày 12/5/2021).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Thanh T với bị đơn ông Võ Văn Tu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

2. Buộc ông Võ Văn Tu, bà Lâm Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Danh Thanh T tiền mua lúa giống còn thiếu là 727.760.000 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Võ Văn Tu, bà Lâm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 33.110.000 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Ông Danh Thành T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 21.482.000 đồng (hai mươi một triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003289 ngày 07/6/2022 và biên lai thu số: 0003318 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng